TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 8 - 2020
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Thanh Diện
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nhân T, phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nhân T, phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố D, phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình. (Vắng mặt tại phiên tòa lần hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2020, bản tự khai thì nguyên đơn, chị Đoàn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình ngày 25/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ của anh T tại tổ dân phố D, phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình được một thời gian, sau đó chuyển ra nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã, anh Thanh ngoại tình với người phụ nữ khác,

không có trách nhiệm với gia đình. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, anh T chuyển về nhà nội sinh sống. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 27/3/2015. Do phải đi làm ăn xa nên sau khi ly hôn chị có nguyện vọng giao con chung cho chồng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/5/2020 anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Đoàn Thị H có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của chị H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ của anh tại tổ dân phố D, phường Quảng T, thị xã Ba Đ được một thời gian thì hai vợ chồng chuyển về nhà ngoại sinh sống. Qúa trình chung sống vợ chồng chỉ xảy ra một số cãi vã, mâu thuẫn nhỏ, sau đó anh chuyển về nhà nội sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 27/3/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, vì anh có đủ khả năng và điều kiện.

Về tài sản chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đoàn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị H; đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ 02 lần đến tham gia tố tụng tại phiên tòa (Lần thứ nhất vào ngày 18/6/2020; lần thứ 2 vào ngày 10/8/2020) nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, vì vậy cần xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn T yêu nhau tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/11/2014 tại UBND phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình là hôn nhân hợp pháp. Sau khi lấy nhau vợ chồng về sống với bố mẹ đẻ của anh T tại tổ dân phố D, phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình được một thời gian thì hai vợ chồng chuyển ra nhà ngoại sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cải vả,

anh Thanh không chăm lo cho gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cải vã lẫn nhau. Anh T chuyển về nhà nội tại phường Quảng T sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh T không đồng ý, mặc dù anh cho rằng giữa anh và chị H hiện nay không còn tình cảm, từ khi sống ly thân đến nay anh T và chị H không ai quan tâm đến ai. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để anh chị trở lại đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không đưa lại kết quả, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho chị H và anh T được ly hôn nhau là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 27/3/2015, hiện nay đang được anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị H và anh T đều có nguyện vọng giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T có đủ khả năng và điều kiện.

Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của hai bên là phù hợp khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần giao con chung là Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 27/3/2015 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, chị H không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu theo luật định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 27/3/2015 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đoàn Thị H không cấp dưỡng nuôi con chung; chị Đoàn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* chị đã nộp tại Chi cục Thi

hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006972 ngày 19/02/2020(Chị H đã nộp đủ án phí).

Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án do Tòa án tống đạt hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi chị H và anh T thường trú./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thịxã Ba Đồn;
- Cácđươngsự;
- UBND phường Quảng T;
- Lưu VP,hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương